

Nghị quyết số: /2025/UBVQH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 2

NGHỊ QUYẾT

**THÀNH LẬP, GIẢI THỂ VÀ QUY ĐỊNH PHẠM VI THẨM QUYỀN THEO
LÃNH THỔ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung ...;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14, Luật số .../2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số .../2025/QH15,

Căn cứ Nghị quyết số .../2025/QH15 ngày ... tháng ... năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang, Bắc Ninh, Cà Mau, Cao Bằng, Đắk Lắk, Điện Biên, Đồng Nai, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Khánh Hòa, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Lâm Đồng, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sơn La, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Long; thành phố Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Huế năm 2025;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về việc thành lập, giải thể Tòa án nhân dân cấp tỉnh; thành lập Tòa án nhân dân khu vực; giải thể Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa Phá sản, Tòa Sở hữu trí tuệ, Tòa Kinh tế thuộc một số Tòa án nhân dân khu vực.

Điều 2. Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Thành lập 23 Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể như sau:

1. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

2. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

3. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

4. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

5. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

6. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

7. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

8. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

9. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

10. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

11. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

12. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

13. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

14. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

15. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

16. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

17. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

18. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

19. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

20. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

21. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

22. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

23. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang trước khi sắp xếp theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thành lập và quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực

1. Thành lập 355 Tòa án nhân dân khu vực tại 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tên, phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ và việc kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân khu vực được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Trụ sở của Tòa án nhân dân khu vực do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định trên cơ sở thống nhất với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bảo đảm gần dân, sát dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi tham gia tố tụng.

Điều 4. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa Phá sản thuộc Tòa án nhân dân khu vực

1. Tòa Phá sản tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Sơn La, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

2. Tòa Phá sản tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Quảng Trị, Quảng Ngãi, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk.

3. Tòa Phá sản tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ; các tỉnh: Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang.

Điều 5. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa Sở hữu trí tuệ thuộc Tòa án nhân dân khu vực

1. Tòa Sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, thành phố Huế; các tỉnh: Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Sơn La, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị.

2. Tòa Sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 14 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ, thành phố Đà Nẵng; các tỉnh: Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Ngãi.

Điều 6. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân khu vực

1. Tòa Kinh tế tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết của Trọng tài thương mại trong phạm vi lãnh thổ của 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Sơn La, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

2. Tòa Kinh tế tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết của Trọng tài thương mại trong phạm vi lãnh

thổ của 07 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Quảng Trị, Quảng Ngãi, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk.

3. Tòa Kinh tế tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết của Trọng tài thương mại trong phạm vi lãnh thổ của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ; các tỉnh: Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang.

Điều 7. Giải thể một số Tòa án nhân dân

1. Giải thể Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giải thể 29 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, gồm: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân tỉnh Long An, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

3. Giải thể 693 Tòa án nhân dân cấp huyện tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này*).

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, hệ thống Tòa án nhân dân có 34 Tòa án nhân dân cấp tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này*) và 355 Tòa án nhân dân khu vực (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này*).

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này.

2. Chính phủ căn cứ quy định tại Nghị quyết này bố trí kinh phí để thực hiện việc thành lập, giải thể các Tòa án nhân dân.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC I
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

1. Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.
2. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.
3. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
4. Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.
5. Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.
6. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.
7. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
8. Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.
9. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.
10. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
11. Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.
12. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
13. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
14. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.
15. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
16. Tòa án nhân dân thành phố Huế.
17. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.
18. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
19. Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.
20. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.
21. Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.
22. Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
23. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.
24. Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.
25. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
26. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.
27. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.
28. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

29. Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.
30. Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.
31. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
32. Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
33. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
34. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

PHỤ LỤC II

**TÊN, PHẠM VI THẨM QUYỀN THEO LÃNH THỔ, VIỆC KẾ THỪA
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC**

*(Kèm theo Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2025 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*

STT	Tên	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
1. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh An Giang			
1	Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Vĩnh Thông, Rạch Giá, Kiên Hải	Rạch Giá, Kiên Hải
2	Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang	Đối với 02 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Phú Quốc, Thỏ Châu	Phú Quốc
3	Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Tân Hội, Tân Hiệp, Thạnh Đông, Thạnh Lộc, Châu Thành, Bình An	Tân Hiệp, Châu Thành
4	Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Hòn Đất, Sơn Kiên, Mỹ Thuận, Bình Sơn, Bình Giang	Hòn Đất
5	Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Định Hòa, Gò Quau, Vĩnh Hòa Hưng, Vĩnh Tuy, Giồng Riềng, Thạnh Hưng, Long Thạnh, Hòa Hưng, Ngọc Chúc, Hòa Thuận	Giồng Riềng, Gò Quao
6	Tòa án nhân dân khu vực 6 – An Giang	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Vĩnh Bình, Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong, Vĩnh Hòa, U Minh Thượng	U Minh Thượng, Vĩnh Thuận

7	Tòa án nhân dân khu vực 7 – An Giang	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Đông Hòa, Tân Thạnh, Đông Hưng, An Minh, Vân Khánh, Tây Yên, Đông Thái, An Biên	An Biên, An Minh
8	Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Hà Tiên, Tô Châu, Tiên Hải, Hòa Điều, Kiên Lương, Sơn Hải, Hòn Nghệ, Giang Thành, Vĩnh Điều	Hà Tiên, Kiên Lương, Giang Thành
9	Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Mỹ Hòa Hưng, Long Xuyên, Bình Đức, Mỹ Thới	Long Xuyên
10	Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: An Châu, Bình Hòa, Cần Đăng, Vĩnh Hanh, Vĩnh An, Thoại Sơn, Óc Eo, Định Mỹ, Phú Hòa, Vĩnh Trạch.	Thoại Sơn, Châu Thành
11	Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Chợ Mới, Cù Lao Giêng, Hội An, Long Điền, Nhơn Mỹ, Long Kiên	Chợ Mới
12	Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Phú Tân, Phú An, Bình Thạnh Đông, Chợ Vàm, Hòa Lạc, Phú Lâm.	Phú Tân
13	Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Châu Đốc, Vĩnh Tế, Châu Phú, Mỹ Đức, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Mỹ, Thạnh Mỹ Tây	Châu Đốc, Châu Phú
14	Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: An Cư, Núi Cấm, Tịnh Biên, Thới Sơn, Chi Lăng, Ba Chúc, Tri Tôn, Ô	Tịnh Biên, Tri Tôn

		Lâm, Cô Tô, Vĩnh Gia	
15	Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: An Phú, Vĩnh Hậu, Nhơn Hội, Khánh Bình, Phú Hữu, Tân An, Châu Phong, Vĩnh Xương, Tân Châu, Long Phú	An Phú, Tân Châu
2. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Bắc Ninh			
16	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Đồng Việt, Bắc Giang, Đa Mai, Tiên Phong, Tân An, Yên Dũng, Tân Tiến, Cảnh Thụy	Bắc Giang
17	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Hoàng Vân, Xuân Cẩm, Tự Lạn, Việt Yên, Nénh, Vân Hà	Việt Yên, Hiệp Hòa
18	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Yên Thế, Bó Hạ, Đồng Kỳ, Xuân Lương, Tam Tiến, Tân Yên, Ngọc Thiện, Nhã Nam, Phúc Hòa, Quang Trung	Tân Yên, Yên Thế
19	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Lục Sơn, Trường Sơn, Cẩm Lý, Đông Phú, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Lũng, Báo Đài, Lạng Giang, Mỹ Thái, Kép, Tân Dĩnh, Tiên Lục	Lục Nam, Lạng Giang
20	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh	Đối với 19 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Yên Định, An Lạc, Vân Sơn, Biễn Động, Lục Ngạn, Đèo Gia, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Sa Lý, Nam Dương, Kiên Lao,	Chũ, Lục Ngạn, Sơn Động

		Chũ, Phụng Sơn, xã Tuấn Đạo	
21	Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Kinh Bắc, Võ Cường, Vũ Ninh, Hạp Lĩnh, Nam Sơn	Bắc Ninh
22	Tòa án nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Từ Sơn, Tam Sơn, Đồng Nguyên, Phù Khê, Yên Phong, Văn Môn, Tam Giang, Yên Trung, Tam Đa	Yên Phong, Từ Sơn
23	Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Quế Võ, Phương Liễu, Nhân Hòa, Đào Viên, Bồng Lai, Chi Lăng, Phù Lăng, Tiên Du, Liên Bảo, Tân Chi, Đại Đồng, Phật Tích	Quế Võ, Tiên Du
24	Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Thuận Thành, Mão Điền, Trạm Lộ, Trí Quả, Song Liễu, Ninh Xá, Gia Bình, Nhân Thắng, Đại Lai, Cao Đức, Đông Cứu, Lương Tài, Lâm Thao, Trung Chính, Trung Khê	Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài
3. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Cà Mau			
25	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: An Xuyên, Lý Văn Lâm, Tân Thành, Hòa Thành	Cà Mau
26	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: U Minh, Nguyễn Phích, Khánh Lâm, Khánh An, Thới Bình, Trí Phải, Tân Lộc, Hồ Thị Kỷ, Biển Bạch	Thới Bình, U Minh
27	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Khánh Bình, Đá Bạc, Khánh Hưng, Sông Đốc, Trần Văn Thời, Cái Đôi	Trần Văn Thời, Phú Tân

		Vàm, Nguyễn Việt Khái, Phú Tân, Phú Mỹ	
28	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Tân Thuận, Tân Tiến, Tạ An Khương, Trần Phán, Thanh Tùng, Đàm Dơi, Quách Phẩm, Lương Thế Trân, Tân Hưng, Hưng Mỹ, Cái Nước	Cái Nước, Đàm Dơi
29	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Phan Ngọc Hiền, Đất Mũi, Tân Ân, Đất Mới, Năm Căn, Tam Giang	Năm Căn, Ngọc Hiền
30	Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Bạc Liêu, Vĩnh Trạch, Hiệp Thành	Bạc Liêu
31	Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Hậu, Vĩnh Lợi, Hưng Hội, Châu Thới	Hòa Bình, Vĩnh Lợi
32	Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Giá Rai, Láng Tròn, Phong Thạnh, Gành Hào, Định Thành, An Trạch, Long Điền, Đông Hải	Đông Hải, Giá Rai
33	Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Hồng Dân, Vĩnh Lộc, Ninh Thạnh Lợi, Ninh Quới, Phước Long, Vĩnh Phước, Phong Hiệp, Vĩnh Thanh	Hồng Dân, Phước Long
4. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Cao Bằng			
34	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang, Hòa An, Nam Tuấn, Bạch Đằng, Nguyễn Huệ	Hòa An, Cao Bằng

35	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Minh Khai, Canh Tân, Kim Đồng, Thạch An, Đông Khê, Đức Long, Phục Hòa, Bế Văn Đàn, Độc Lập, Quảng Uyên, Hạnh Phúc	Quảng Hòa, Thạch An
36	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Quang Hán, Trà Lĩnh, Quang Trung, Đoài Dương, Trùng Khánh, Đàm Thủy, Đình Phong, Lý Quốc, Hạ Lang, Vinh Quý, Quang Long	Trùng Khánh, Hạ Lang
37	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cao Bằng	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Ca Thành, Phan Thanh, Thành Công, Tĩnh Túc, Tam Kim, Nguyên Bình, Minh Tâm, Thanh Long, Cần Yên, Thông Nông, Trường Hà, Hà Quảng, Lũng Nặm, Tổng Cột	Nguyên Bình, Hà Quảng
38	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Quảng Lâm, Nam Quang, Lý Bôn, Bảo Lâm, Yên Thổ, Sơn Lộ, Hưng Đạo, Bảo Lạc, Cốc Pàng, Cô Ba, Khánh Xuân, Xuân Trường, Huy Giáp	Bảo Lạc, Bảo Lâm
5. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Cần Thơ			
39	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Cái Khế, An Hòa, Xuân Khánh, Hưng Lợi, An Bình, An Khánh, Tân An,	Ninh Kiều

		Thới Bình	
40	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Bình Thủy, Long Hòa, Long Xuyên, Thới An Đông, An Thới, Bùi Hữu Nghĩa, Trà Nóc, Trà An, Thới An, Phước Thới, Trường Lạc, Châu Văn Liêm, Thới Hòa, Thới Long, Long Hưng	Bình Thủy, Ô Môn
41	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ	Đối với 27 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Ba Láng, Hưng Phú, Hưng Thạnh, Lê Bình, Phú Thứ, Tân Phú, Thường Thạnh, Phong Điền, Giai Xuân, Mỹ Khánh, Nhơn Nghĩa, Tân Thới, Trường Long, Nhơn Ái, Thới Lai, Định Môn, Đông Thuận, Đông Bình, Xuân Thắng, Trường Xuân, Trường Xuân A, Trường Xuân B, Trường Thành, Trường Thắng, Thới Tân, Thới Thạnh, Tân Thạnh	Cái Răng, Phong Điền, Thới Lai
42	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ	Đối với 30 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Thốt Nốt, Trung Kiên, Tân Lộc, Thới Thuận, Thuận An, Trung Nhứt, Thạnh Hòa, Thuận Hưng, Tân Hưng, Cờ Đỏ, Thới Hưng, Đông Hiệp, Đông Thắng, Thới Đông, Thới Xuân, Trung Hưng, Trung Thạnh, Thạnh Phú, Trung An, Thạnh An, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trinh, Thạnh Lộc, Thạnh Mỹ, Thạnh Quới, Vĩnh Bình, Thạnh An, Thạnh Tiến, Thạnh Thắng, Thạnh Lợi	Cờ Đỏ, Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh
43	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10.	Sóc Trăng

44	Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Hồ Đắc Kiện, Thuận Hòa, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ, Châu Thành, Mỹ Hương, Hưng Phú, Long Hưng, Mỹ Phước, Mỹ Tú, Mỹ Thuận, Thuận Hưng, Phú Mỹ, Huỳnh Hữu Nghĩa	Châu Thành, Mỹ Tú
45	Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ	Đối với 18 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Vĩnh Quới, Mỹ Bình, Mỹ Quới, Long Bình, Tân Long, 1, 2, 3, Thạnh Trị, Vĩnh Thành, Châu Hưng, Vĩnh Lợi, Lâm Tân, Lâm Kiết, Thạnh Tân, Tuân Túc, Phú Lộc, Hưng Lợi	Ngã Năm, Thạnh Trị
46	Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ	Đối với 21 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Hòa Tú 1, Hòa Tú 2, Ngọc Đông, Ngọc Tô, Thạnh Quới, Gia Hòa 2, Thạnh Phú, Gia Hòa 1, Tham Đôn, Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Vĩnh Hải, Lai Hòa, Vĩnh Tân, Vĩnh Hiệp, Lạc Hòa, Hòa Đông, 1, 2, Vĩnh Phước, Khánh Hòa	Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu
47	Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ	Đối với 30 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Tân Thạnh, Châu Khánh, Trường Khánh, Hậu Thạnh, Phú Hữu, Long Đức, Tân Hưng, Long Phú, Song Phụng, Đại Ngãi, Long Phú, Thạch Thới An, Thạch Thới Thuận, Viên An, Tài Văn, Liên Tú, Viên Bình, Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Đại Ân 2, Lịch Hội Thượng, Trần Đề, An Thạnh 1, An Thạnh Tây, An Thạnh Đông, An Thạnh 2, Đại Ân 1, An Thạnh 3, An Thạnh Nam, Cù Lao Dung	Trần Đề, Long Phú, Cù Lao Dung

48	Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: An Mỹ, Nhơn Mỹ, Phong Năm, Xuân Hòa, Trình Phú, Kế An, Kế Thành, Thới An Hội, An Lạc Tây, Đại Hải, Ba Trinh, An Lạc Thôn, Kế Sách	Kế Sách
49	Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ	Đối với 19 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Hỏa Lưu, Hỏa Tiến, Tân Tiến, Vị Tân, I, III, IV, V, VII, Vị Thủy, Vị Thắng, Vị Trung, Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình, Vĩnh Thuận Tây, Vĩnh Tường, Vĩnh Trung, Nàng Mau	Vị Thanh, Vị Thủy
50	Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Thuận Hưng, Xà Phiên, Thuận Hòa, Lương Tâm, Lương Nghĩa, Vĩnh Viễn A, Vĩnh Thuận Đông, Vĩnh Viễn, Long Bình, Long Phú, Long Trị, Long Trị A, Tân Phú, Thuận An, Bình Thạnh, Trà Lồng, Vĩnh Tường	Long Mỹ, thị xã Long Mỹ
51	Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ	Đối với 21 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Đại Thành, Tân Thành, Hiệp Lợi, Lái Hiếu, Hiệp Thành, Ngã Bảy, Long Thạnh, Hòa Mỹ, Hòa An, Phụng Hiệp, Phương Phú, Phương Bình, Tân Phước Hưng, Tân Long, Hiệp Hưng, Bình Thành, Tân Bình, Thạnh Hòa, Cây Dương, Kinh Cù, Búng Tàu	Ngã Bảy, Phụng Hiệp
52	Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ	Đối với 18 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cần Thơ: Đông Phước, Đông Phước A, Đông Thạnh, Đông Phú, Phú Hữu, Phú	Châu Thành, Châu Thành A

		Tân, Ngã Sáu, Mái Dầm, Trường Long Tây, Tân Phú Thạnh, Thạnh Xuân, Nhơn Nghĩa A, Trường Long A, Tân Hòa, Cái Tắc, Rạch Gòi, Một Ngàn, Bảy Ngàn	
6. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Đà Nẵng			
53	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng	Đối với 02 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Hải Châu, Hòa Cường	Hải Châu
54	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đà Nẵng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: An Hải, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, đặc khu Hoàng Sa	Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, Hoàng Sa
55	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Thanh Khê, An Khê, Cẩm Lệ	Cẩm Lệ, Thanh Khê
56	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Hòa Khánh, Hải Vân, Liên Chiểu, Hòa Xuân	Hòa Vang, Liên Chiểu
57	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Đức Phú, Tam Xuân, Tam Hải, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch	Tam Kỳ, Núi Thành
58	Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú, Đồng Dương, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước	Thăng Bình, Quế Sơn
59	Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh, Lanh	Phú Ninh, Tiên Phước

	Năng	Ngọc, Tiên Phước, Thạnh Bình, Sơn Cẩm Hà	
60	Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đà Nẵng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Trà Liên, Trà Giáp, Trà Tân, Trà Đốc, Trà My, Nam Trà My, Trà Tập, Trà Vân, Trà Linh, Trà Leng.	Bắc Trà My, Nam Trà My
61	Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đà Nẵng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp	Phước Sơn, Hiệp Đức
62	Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Duy Nghĩa, Nam Phước, Duy Xuyên, Thu Bồn, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Tân Hiệp, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây	Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An
63	Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Ê	Nam Giang, Đại Lộc
64	Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đà Nẵng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên, A Vương, Tây Giang, Hùng Sơn	Tây Giang, Đông Giang
7. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Đắk Lắk			
65	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Hòa Phú, Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Thành Nhất, Ea Kao	Buôn Ma Thuột

66	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Ea Súp, Ea Rôk, Ea Bung, Ia Rvê, Ia Lốp, Ea Wer, Ea Nuôl, Buôn Đôn	Ea Súp, Buôn Đôn
67	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Ea Kiết, Ea M'Droh, Quảng Phú, Cuôr Đăng, Cư M'gar, Ea Tul	Cư M'Gar
68	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Không Pắc, Ea Knuéc, Tân Tiến, Ea Phê, Ea Kly, Vụ Bồn	Không Pắc
69	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Ea Ning, Dray Bhang, Ea Ktur, Không Ana, Dur Kmăl, Ea Na	Không Ana, Cư Kuin
70	Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Hòa Sơn, Dang Kang, Không Bông, Yang Mao, Cư Pui, Liên Sơn Lăk, Đắk Liêng, Nam Ka, Đắk Phơi, Không Nô	Lăk, Không Bông
71	Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Ea Kar, Ea Ô, Ea Knốp, Cư Yang, Ea Păl, M'Drăk, Ea Riêng, Cư M'ta, Không Á, Cư Prao, Ea Trang	EaKar, M' Drăk
72	Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Ea Drông, Buôn Hồ, Cư Bao, Pong Drang, Không Búk, Cư Pong	Không Búk, Buôn Hồ
73	Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Ea Khăl, Ea Drăng, Ea Wy, Ea H'leo, Ea Hiao	Ea H'Leo
74	Tòa án nhân dân	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp	Không Năng

	khu vực 10 – Đăk Lăk	xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Krông Năng, Diê Ya, Tam Giang, Phú Xuân	
75	Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đăk Lăk	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Tuy Hòa, Phú Yên, Bình Kiến	Tuy Hòa
76	Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đăk Lăk	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Hòa Xuân, Đông Hòa, Hòa Hiệp	Đông Hòa
77	Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đăk Lăk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Phú Hòa 1, Phú Hòa 2, Tây Hòa, Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Sơn Thành	Tây Hòa, Phú Hòa
78	Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đăk Lăk	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Xuân Thọ, Xuân Cảnh, Xuân Lộc, Xuân Đài, Sông Cầu, Tuy An Bắc, Tuy An Đông, Ô Loan, Tuy An Nam, Tuy An Tây, Xuân Lãnh, Phú Mỹ, Xuân Phước, Đồng Xuân	Đồng Xuân, Sông Cầu, Tuy An
79	Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đăk Lăk	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Sơn Hòa, Vân Hòa, Tây Sơn, Suối Trai, Ea Ly, Ea Bá, Đức Bình, Sông Hinh	Sơn Hòa, Sông Hinh

8. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Điện Biên

80	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Điện Biên	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Mường Phăng, Điện Biên Phủ, Mường Thanh, Mường Ảng, Nà Tấu, Búng Lao, Mường Lạn	Điện Biên Phủ, Mường Ảng
81	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Điện Biên	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà, Na Son, Xa Dung, Pu Nhi, Mường Luân, Tà Dình, Phình	Điện Biên, Điện Biên Đông

		Giàng	
82	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Phú Nhung, Chiềng Sinh, Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè	Tủa Chùa, Tuần Giáo
83	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Mường Lay, Na Sang, Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn, Mường Pồn	Mường Lay, Mường Chà
84	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Mường Chà, Nà Hỳ, Nà Búng, Chà Tở, Si Pa Phìn, Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Toong, Nậm Kè, Quảng Lâm	Mường Nhé, Nậm Pồ
9. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Đồng Nai			
85	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai	Đối với 25 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: An Bình, An Hòa, Bình Đa, Bửu Hòa, Bửu Long, Hiệp Hòa, Hố Nai, Hóa An, Long Bình, Long Bình Tân, Phước Tân, Quang Vinh, Tam Hiệp, Tam Phước, Tân Biên, Tân Hạnh, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Mai, Tân Phong, Tân Vạn, Thống Nhất, Trảng Dài, Trung Dũng, Long Hưng	Biên Hòa
86	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai	Đối với 26 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Long Thành, An Phước, Bà Cạn, Bình An, Bình Sơn, Cẩm Đường, Lộc An, Long An, Long Đức, Long Phước, Phước Bình, Phước Thái, Tam An, Tân Hiệp, Hiệp Phước, Đại Phước, Long Tân, Long Thọ, Phú Đông, Phú Hội, Phú Hữu,	Nhon Trạch, Long Thành

		Phú Thạnh, Phước An, Phước Khánh, Phước Thiện, Vĩnh Thanh	
87	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai	Đối với 27 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Trảng Bom, An Viễn, Bắc Sơn, Bàu Hàm, Bình Minh, Cây Gáo, Đồi 61, Đông Hòa, Giang Điền, Hố Nai 3, Hưng Thịnh, Quảng Tiến, Sông Thao, Sông Trầu, Tây Hòa, Thanh Bình, Trung Hòa, Vĩnh An, Bình Lợi, Mã Đà, Phú Lý, Tân An, Tân Bình, Thạnh Phú, Thiện Tân, Trị An, Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu, Trảng Bom
88	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai	Đối với 23 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Bảo Vinh, Bàu Sen, Phú Bình, Suối Tre, Xuân An, Xuân Bình, Xuân Hòa, Xuân Lập, Xuân Tân, Bảo Quang, Bàu Trâm, Bình Lộc, Hàng Gòn, Dầu Giây, Bàu Hàm 2, Gia Kiệm, Gia Tân 1, Gia Tân 2, Gia Tân 3, Hưng Lộc, Lộ 25, Quang Trung, Xuân Thiện	Thông Nhất, Long Khánh
89	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Long Giao, Bảo Bình, Lâm San, Nhân Nghĩa, Sông Nhạn, Sông Ray, Thừa Đức, Xuân Bảo, Xuân Đông, Xuân Đường, Xuân Mỹ, Xuân Quế, Xuân Tây	Cẩm Mỹ
90	Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Gia Ray, Bảo Hòa, Lang Minh, Suối Cao, Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Định, Xuân Hiệp, Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Phú, Xuân Tâm, Xuân Thành, Xuân Thọ, Xuân Trường	Xuân Lộc
91	Tòa án nhân dân	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp	Định Quán

	khu vực 7 – Đồng Nai	xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Định Quán, Gia Canh, La Ngà, Ngọc Định, Phú Cường, Phú Hòa, Phú Lợi, Phú Ngọc, Phú Tân, Phú Túc, Phú Vinh, Suối Nho, Thanh Sơn, Túc Trung	
92	Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Nai	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Tân Phú, Đak Lua, Nam Cát Tiên, Phú An, Phú Bình, Phú Điền, Phú Lâm, Phú Lập, Phú Lộc, Phú Sơn, Phú Thanh, Phú Thịnh, Phú Xuân, Tà Lài, Thanh Sơn, Trà Cỏ	Tân Phú
93	Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai	Đối với 19 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Tân Thành, Tiến Hưng, Tiến Thành, Tân Phú, Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Bình, Tân Xuân, Thuận Phú, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Lợi, Tân Hưng, Tân Tiến, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Phú	Đồng Xoài, Đồng Phú
94	Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai	Đối với 28 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Thanh Phú, Thanh Lương, An Lộc, Hưng Chiến, Phú Đức, Phú Thịnh, Quang Minh, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Lập, Minh Long, Minh Hưng, Hưng Long, Thành Tâm, Minh Thành, Thanh Bình, Tân Quan, Phước An, Tân Lợi, Tân Hưng, An Khương, Thanh An, Đồng Nơ, Tân Hiệp, An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Tân Khai	Chơn Thành, Hớn Quản, Bình Long
95	Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Phước Tín, Long Giang, Long Phước, Phước Bình, Long Thủy, Thác Mơ, Sơn Giang, Long Bình, Long	Phước Long, Phú Riềng

		Hưng, Bình Tân, Long Hà, Long Tân, Bù Nho, Phú Riềng, Phước Tân, Phú Trung, Bình Sơn	
96	Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Đăng Hà, Thống Nhất, Phước Sơn, Đức Liễu, Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Đoàn Kết, Minh Hưng, Đồng Nai, Phú Sơn, Thọ Sơn, Đường 10, Đak Nhau, Bom Bo, Bình Minh, Đức Phong	Bù Đăng
97	Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Tân Tiến, Tân Thành, Thanh Hòa, Thiện Hưng, Hưng Phước, Phước Thiện, Thanh Bình, Bù Gia Mập, Đăk O, Phú Văn, Đức Hạnh, Phú Nghĩa, Phước Minh, Đa Kia, Bình Thắng	Bù Gia Mập, Bù Đốp
98	Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai: Lộc An, Lộc Thành, Lộc Thịnh, Lộc Thái, Lộc Thuận, Lộc Hưng, Lộc Điền, Lộc Khánh, Lộc Tấn, Lộc Thiện, Lộc Hòa, Lộc Thạnh, Lộc Quang, Lộc Phú, Lộc Hiệp, Lộc Ninh	Lộc Ninh
10. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Đồng Tháp			
99	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Mỹ Tho, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Thới Sơn, Trung An, Mỹ Tịnh An, Lương Hòa Lạc, Tân Thuận Bình, Chợ Gạo, An Thạnh Thủy, Bình Ninh	Mỹ Tho, Chợ Gạo
100	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Gò Công, Long Thuận, Sơn Qui, Bình Xuân, Vĩnh Bình,	Gò Công Tây, Gò Công, Gò Công Đông, Tân Phú Đông

		Đồng Sơn, Phú Thành, Long Bình, Vĩnh Hựu, Gò Công Đông, Tân Điền, Tân Hòa, Tân Đông, Gia Thuận, Tân Thới, Tân Phú Đông	
101	Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Tân Phước 1, Tân Phước 2, Tân Phước 3, Hưng Thạnh, Tân Hương, Châu Thành, Long Hưng, Long Định, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Bình Trung	Tân Phước, Châu Thành
102	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Mỹ Phước Tây, Thanh Hòa, Cai Lậy, Nhị Quý, Tân Phú, Bình Phú, Hiệp Đức, Ngũ Hiệp, Long Tiên, Mỹ Thành, Thạnh Phú	Cai Lậy, thị xã Cai Lậy
103	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Thanh Hưng, An Hữu, Mỹ Lợi, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Hội Cư, Cái Bè	Cái Bè
104	Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp	Đối với 02 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Cao Lãnh, Mỹ Ngãi	Thành phố Cao Lãnh
105	Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Mỹ An Hưng, Tân Khánh Trung, Lấp Vò, Lai Vung, Hòa Long, Phong Hòa, Tân Dương	Lấp Vò, Lai Vung
106	Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Sa Đéc, Phú Hựu, Tân Nhuận Đông, Tân Phú Trung	Sa Đéc, Châu Thành
107	Tòa án nhân dân	Đối với 06 đơn vị hành chính	Huyện Cao Lãnh

	khu vực 9 – Đồng Tháp	cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Phong Mỹ, Ba Sao, Mỹ Thọ, Bình Hàng Trung, Mỹ Hiệp, Mỹ Trà	
108	Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Tháp	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Tháp Mười, Thanh Mỹ, Mỹ Quí, Đốc Bình Kiều, Trường Xuân, Phương Thịnh	Tháp Mười
109	Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Tháp	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: An Hòa, Tam Nông, Phú Thọ, Tràm Chim, Phú Cường, An Long, Thanh Bình, Tân Thạnh, Bình Thành, Tân Long	Tam Nông, Thanh Bình
110	Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Tân Hồng, Tân Thành, Tân Hộ Cơ, An Phước, An Bình, Hồng Ngự, Thường Lạc, Thường Phước, Long Khánh, Long Phú Thuận	TP Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, Tân Hồng
11. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Gia Lai			
111	Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, xã Nhơn Châu	Quy Nhơn
112	Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, An Nhơn Tây, Tuy Phước, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Bắc, Vân Canh, Canh Vinh, Canh Liên	An Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh
113	Tòa án nhân dân	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp	Phù Mỹ, Phù Cát

	khu vực 3 – Gia Lai	xã thuộc tỉnh Gia Lai: Phù Cát, Xuân An, Ngô Mỹ, Cát Tiến, Đê Gi, Hòa Hội, Hội Sơn, Phù Mỹ, An Lương, Bình Dương, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Tây, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Bắc	
114	Tòa án nhân dân khu vực 4 – Gia Lai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Tây Sơn, Bình Khê, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn	Vĩnh Thạnh, Tây Sơn
115	Tòa án nhân dân khu vực 5 – Gia Lai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Hoài Ân, Ân Tường, Kim Sơn, Vạn Đức, Ân Hảo, An Hòa, An Lão, An Vinh, An Toàn	An Lão, Hoài Ân
116	Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc	Hoài Nhơn
117	Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng, An Phú, Biển Hồ, Gào	Pleiku
118	Tòa án nhân dân khu vực 8 – Gia Lai	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Chư Prông, Bàu Cạn, Ia Boong, Ia Lâu, Ia Pia, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Đơk, Ia Krêl, Ia Púch, Ia Mơ, xã Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Dom.	Đức Cơ, Chư Prông
119	Tòa án nhân dân khu vực 9 – Gia Lai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Ia Ly, Chư Păh, Ia Khươl, Ia Phí, Ia Grai, Ia Krái, Ia Hrug, Ia Chia, Ia O.	Ia Grai, Chư Păh
120	Tòa án nhân dân khu vực 10 –	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Đak Đoa,	Đăk Đoa, Mang Yang

	Gia Lai	Kon Gang, Ia Băng, Kdang, Đak Somei, Mang Yang, Lơ Pang, Kon Chiêng, Hra, Ayun	
121	Tòa án nhân dân khu vực 11 – Gia Lai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Chư Sê, Bờ Ngoong, Ia Ko, Albá, Chư Puh, Ia Le, Ia Hrú	Chư Sê, Chư Puh
122	Tòa án nhân dân khu vực 12 – Gia Lai	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Ayun Pa, Ia Rbol, Ia Sao, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao, Pờ Tó, Ia Pa, Ia Tul, Phú Túc, Ia Dreh, Ia Rсай, Uar	Ayun Pa, Krông Pa, Phú Thiện, Ia Pa
123	Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: An Khê, An Bình, Cửu An, Đak Pơ, Ya Hội, Kông Chro, Ya Ma, Chư Krey, SRó, Đăk Song, Chơ Long	An Khê, Đăk Pơ, Krông Chro
124	Tòa án nhân dân khu vực 14 – Gia Lai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Kbang, Kông Bơ La, Tơ Tung, Sơn Lang, Đak Rong, Krong	Kbang

12. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Hà Nội

125	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Ba Đình, Ngọc Hà, Giảng Võ, Hồng Hà, Tây Hồ, Phú Thượng.	Ba Đình, Tây Hồ, Hoàn Kiếm
126	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Đống Đa, Kim Liên, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Láng, Ô Chợ Dừa, Thanh Xuân, Khương Đình, Phương Liệt.	Đống Đa, Thanh Xuân
127	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Hai	Hoàng Mai, Hai Bà

	Nội	Bà Trưng, Vĩnh Tuy, Bạch Mai, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Vĩnh Hưng, Tương Mai, Định Công, Hoàng Liệt, Yên Sở.	Trung
128	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Cầu Giấy, Nghĩa Đô, Yên Hòa, Tây Tựu, Phú Diễn, Xuân Đình, Đông Ngạc, Thượng Cát, Từ Liêm, Xuân Phương, Tây Mỗ, Đại Mỗ.	Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy
129	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Long Biên, Bồ Đề, Việt Hưng, Phúc Lợi, Gia Lâm, Thuận An, Bát Tràng, Phù Đổng.	Gia Lâm, Long Biên
130	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hà Nội	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Hà Đông, Dương Nội, Yên Nghĩa, Phú Lương, Kiến Hưng, Thanh Oai, Bình Minh, Tam Hưng, Dân Hòa, Chương Mỹ, Phú Nghĩa, Xuân Mai, Trần Phú, Hòa Phú, Quảng Bị.	Chương Mỹ, Hà Đông, Thanh Oai
131	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Thủ Lâm, Đông Anh, Phúc Thịnh, Thiên Lộc, Vĩnh Thanh, Mê Linh, Yên Lãng, Tiến Thắng, Quang Minh, Sóc Sơn, Đa Phúc, Nội Bài, Trung Giã, Kim Anh.	Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh
132	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Hoài Đức, Dương Hòa, Sơn Đồng, An Khánh, Đan Phượng, Ô Diên, Liên Minh.	Hoài Đức, Đan Phượng

133	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Minh Châu, Quảng Oai, Vật Lại, Cổ Đô, Bất Bạt, Suối Hai, Ba Vì, Yên Bài, Sơn Tây, Tùng Thiện, Đoài Phương, Phúc Thọ, Phúc Lộc, Hát Môn.	Phúc Thọ, Ba Vì, Sơn Tây
134	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Thạch Thất, Hạ Bằng, Tây Phương, Hòa Lạc, Yên Xuân, Quốc Oai, Hưng Đạo, Kiều Phú, Phú Cát.	Thạch Thất, Quốc Oai
135	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Thanh Trì, Đại Thanh, Nam Phù, Ngọc Hồi, Thanh Liệt, Thượng Phúc, Thường Tín, Chương Dương, Hồng Vân.	Thanh Trì, Thường Tín
136	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Phú Xuyên, Phượng Dực, Chuyên Mỹ, Đại Xuyên, Vân Đình, Ứng Thiên, Hòa Xá, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Hồng Sơn, Phúc Sơn, Hương Sơn.	Phú Xuyên, Mỹ Đức, Ứng Hòa
13. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Hà Tĩnh			
137	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh	Đối với 22 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Cẩm Xuyên, Thiên Cẩm, Cẩm Duệ, Cẩm Hưng, Cẩm Lạc, Cẩm Trung, Yên Hòa, Thành Sen, Trần Phú, Hà Huy Tập, Thạch Lạc, Đồng Tiến, Thạch Khê, Cẩm Bình, Thạch Hà, Toàn Lưu, Việt Xuyên, Đông Kinh, Thạch Xuân,	Thạch Hà, Hà Tĩnh, Cẩm Xuyên

		Lộc Hà, Hồng Lộc, Mai Phụ.	
138	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Sông Trí, Hải Ninh, Hoành Sơn, Vũng Áng, Kỳ Xuân, Kỳ Anh, Kỳ Hoa, Kỳ Văn, Kỳ Khang, Kỳ Lạc, Kỳ Thượng.	Huyện Kỳ Anh, Thị xã Kỳ Anh
139	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Can Lộc, Tùng Lộc, Gia Hanh, Trường Lưu, Xuân Lộc, Đồng Lộc, Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh, Tiên Điền, Nghi Xuân, Cỏ Đạm, Đan Hải, Đức Thọ, Đức Quang, Đức Đồng, Đức Thịnh, Đức Minh.	Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân, Hồng Lĩnh
140	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân.	Hương Khê
141	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Tĩnh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Hương Sơn, Sơn Tây, Tứ Mỹ, Sơn Giang, Sơn Tiến, Sơn Hồng, Kim Hoa, Vũ Quang, Mai Hoa, Thượng Đức, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2.	Hương Sơn, Vũ Quang
14. Tòa án nhân dân khu vực thuộc thành phố Hải Phòng			
142	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Thủy Nguyên, Thiên Hương, Hoà Bình, Nam Triệu, Bạch Đằng, Lưu Kiếm, Lê Ích Mộc, Việt Khê.	Thủy Nguyên

143	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: An Dương, An Hải, An Phong, An Hưng, An Khánh, An Quang, An Trường, An Lão.	An Dương, An Lão
144	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Hồng Bàng, Hồng An , Ngô Quyền, Gia Viên.	Ngô Quyền, Hồng Bàng
145	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Hải An, Đông Hải, Cát Hải, Bạch Long Vĩ.	Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Hải An
146	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Lê Chân, An Biên, Kiến An, Phù Liễn.	Kiến An, Lê Chân
147	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Nam Đồ Sơn, Đồ Sơn, Hưng Đạo, Dương Kinh, Kiến Thụy, Kiến Minh, Kiến Hải, Kiến Hưng, Nghi Dương.	Dương Kinh, Kiến Thụy, Đồ Sơn
148	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Quyết Thắng, Tiên Lãng, Tân Minh, Tiên Minh, Chấn Hưng, Hùng Thắng, Vĩnh Bảo, Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Am, Vĩnh Hải, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận.	Tiên Lãng, Vĩnh Bảo
149	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Hải Dương, Lê Thanh Nghị, Thành Đông, Nam Đồng, Tân	Thanh Hà, Hải Dương

		Hưng, Thạch Khôi, Tứ Minh , Ái Quốc, Thanh Hà, Hà Tây, Hà Bắc, Hà Nam, Hà Đông.	
150	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Chu Văn An, Chí Linh, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông, Lê Đại Hành, Nam Sách, Thái Tân, Hợp Tiến, Trần Phú, An Phú.	Nam Sách, Chí Linh
151	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Kinh Môn, Nguyễn Đại Năng, Trần Liễu, Bắc An Phụ, Phạm Sư Mạnh, Nhị Chiểu, Nam An Phụ, Phú Thái, Lai Khê, An Thành, Kim Thành.	Kim Thành, Kinh Môn
152	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Gia Lộc, Yết Kiêu, Gia Phúc, Trường Tân, Tứ Kỳ, Tân Kỳ, Đại Sơn, Chí Minh, Lạc Phượng, Nguyễn Giáp.	Gia Lộc, Tứ Kỳ
153	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Việt Hòa , Cẩm Giang, Tuệ Tĩnh, Mao Điền, Cẩm Giàng, Kẻ Sặt, Bình Giang, Đường An, Thượng Hồng.	Bình Giang, Cẩm Giàng
154	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Ninh Giang, Vĩnh Lại, Khúc Thừa Dụ, Tân An, Hồng Châu, Thanh Miện, Bắc Thanh Miện, Hải Hưng, Nguyễn Lương Bằng, Nam Thanh Miện.	Thanh Miện, Ninh Giang

15. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Hồ Chí Minh			
155	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Sài Gòn, Tân Định, Bến Thành, Cầu Ông Lãnh, Bàn Cờ, Xuân Hòa, Nhiêu Lộc, Xóm Chiếu, Khánh Hội, Vĩnh Hội.	Quận 3, Quận 1, Quận 4
156	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hồ Chí Minh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Hiệp Bình, Thủ Đức, Tam Bình, Linh Xuân, Tăng Nhơn Phú, Long Bình, Long Phước, Long Trường, Cát Lái, Bình Trưng, Phước Long, An Khánh.	Thủ Đức
157	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hồ Chí Minh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Chợ Quán, An Đông, Chợ Lớn, Bình Tây, Bình Tiên, Bình Phú, Phú Lâm, Minh Phụng, Bình Thới, Hòa Bình, Phú Thọ.	Quận 5, Quận 6, Quận 11
158	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hồ Chí Minh	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Diên Hồng, Vườn Lài, Hòa Hưng, Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhất, Tân Hòa, Bảy Hiền, Tân Bình, Tân Sơn.	Quận 10, Tân Bình
159	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hồ Chí Minh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Gia Định, Bình Thạnh, Bình Lợi Trung, Thạnh Mỹ Tây, Bình Quới, Đức Nhuận, Cầu Kiệu, Phú Nhuận.	Bình Thạnh, Phú Nhuận
160	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Tân Thuận, Phú Thuận, Tân Mỹ,	Quận 7, Nhà Bè, Cần Giờ

		Tân Hưng, Bình Khánh, An Thới Đông, Cần Giờ, Nhà Bè, Hiệp Phước, Thạnh An.	
161	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hồ Chí Minh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Đông Hưng Thuận, Trung Mỹ Tây, Tân Thới Hiệp, Thới An, An Phú Đông, Hạnh Thông, An Nhơn, Gò Vấp, An Hội Đông, Thông Tây Hội, An Hội Tây.	Gò Vấp, Quận 12
162	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hồ Chí Minh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Củ Chi, Tân An Hội, Thái Mỹ, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông, Bình Mỹ, Đông Thạnh, Hóc Môn, Xuân Thới Sơn, Bà Điểm.	Củ Chi, Hóc Môn
163	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: An Lạc, Tân Tạo, Bình Tân, Bình Trị Đông, Bình Hưng Hòa, Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Tân Phú, Phú Thạnh.	Tân Phú, Bình Tân
164	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Chánh Hưng, Phú Định, Bình Đông, Vĩnh Lộc, Tân Vĩnh Lộc, Bình Lợi, Tân Nhựt, Bình Chánh, Hưng Long, Bình Hưng.	Bình Chánh, Quận 8
165	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hồ Chí Minh	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Vũng Tàu, Tam Thắng, Rạch Dừa, Phước Thắng, Côn Đảo, Long Sơn.	Vũng Tàu, Côn Đảo
166	Tòa án nhân dân	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp	Phú Mỹ, Bà Rịa

	khu vực 12 - Hồ Chí Minh	xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Bà Rịa, Long Hương, Phú Mỹ, Tam Long, Tân Thành, Tân Phước, Tân Hải, Châu Pha.	
167	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hồ Chí Minh	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Phước Hải, Long Hải, Đất Đỏ, Long Điền.	Long Đất
168	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Hồ Chí Minh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Ngãi Giao, Bình Giã, Kim Long, Châu Đức, Xuân Sơn, Nghĩa Thành, Hồ Tràm, Xuyên Mộc, Hòa Hội, Bàu Lâm, Hòa Hiệp, Bình Châu.	Châu Đức, Xuyên Mộc
169	Tòa án nhân dân khu vực 15 - Hồ Chí Minh	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Bình Dương , Chánh Hiệp, Thủ Dầu Một, Phú Lợi.	Thủ Dầu Một
170	Tòa án nhân dân khu vực 16 - Hồ Chí Minh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Đông Hòa, Dĩ An, Thuận An, Thuận Giao, Bình Hòa, Lái Thiêu, An Phú.	Thuận An, Dĩ An
171	Tòa án nhân dân khu vực 17 - Hồ Chí Minh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Tân Đông Hiệp, Vĩnh Tân, Bình Cơ, Tân Uyên, Tân Hiệp, Tân Khánh, Bắc Tân Uyên, Thường Tân.	Tân Uyên, Bắc Tân Uyên
172	Tòa án nhân dân khu vực 18 - Hồ Chí Minh	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Hòa Lợi, Phú An , Tây Nam, Chánh Phú Hòa , Minh Thạnh, Long Hòa, Dầu Tiếng, Thanh An,	Bến Cát, Dầu Tiếng

		Thới Hòa.	
173	Tòa án nhân dân khu vực 19 - Hồ Chí Minh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Long Nguyên, Bến Cát, An Long, Phước Thành, Phước Hòa, Phú Giáo, Trừ Văn Thố, Bàu Bàng.	Bàu Bàng, Phú Giáo
16. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Huế			
174	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Huế: Thuận An, Mỹ Thượng, Vỹ Dạ, Thuận Hóa, An Cựu, Thủy Xuân, Phú Vinh, Phú Hồ, Phú Vang, Dương Nỗ.	Phú Vang, Thuận Hóa
175	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Huế	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Huế: Hóa Châu, Kim Long, Hương An, Phú Xuân, Phong Quảng, Đan Điền, Quảng Điền.	Quảng Điền, Phú Xuân
176	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Huế: Hương Trà, Kim Trà, Phong Điền, Phong Thái, Phong Dinh, Phong Phú, Bình Điền, A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5.	A Lưới, Hương Trà, Phong Điền
177	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Huế: Thanh Thủy, Hương Thủy, Phú Bài, Vinh Lộc, Hưng Lộc, Lộc An, Phú Lộc, Chân Mây - Lăng Cô, Long Quảng, Nam Đông, Khe Tre.	Hương Thủy, Phú Lộc
17. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Hưng Yên			
178	Tòa án nhân dân khu vực 1 -	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Phố	Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ, Hưng Yên

	Hung Yên	Hiền, Sơn Nam, Hồng Châu, Tân Hưng, Hoàng Hoa Thám, Tiên Lữ, Tiên Hoa, Quang Hưng, Đoàn Đào, Tiên Tiến, Tống Trân, Ân Thi, Xuân Trú, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Hồng Quang.	
179	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hưng Yên	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Mỹ Hào, Đường Hào, Thượng Hồng, Yên Mỹ, Việt Yên, Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh.	Mỹ Hào, Yên Mỹ
180	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Lương Bằng, Nghĩa Dân, Hiệp Cường, Đức Hợp, Khoái Châu, Triệu Việt Vương, Việt Tiến, Chí Minh, Châu Ninh.	Khoái Châu, Kim Động
181	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Như Quỳnh, Lạc Đạo, Đại Đồng, Nghĩa Trụ, Phụng Công, Văn Giang, Mễ Sở.	Văn Giang, Văn Lâm
182	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Thái Bình, Trần Lãm, Trần Hưng Đạo, Trà Lý, Vũ Phúc, Vũ Thư, Thư Trì, Tân Thuận, Thư Vũ, Vũ Tiên, Vạn Xuân.	Thái Bình, Vũ Thư
183	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Tiền Hải, Tây Tiền Hải, Ái Quốc, Đông Châu, Đông Tiền Hải, Nam Cường, Hưng Phú, Nam Tiền Hải, Lê Lợi, Kiến Xương, Quang Lịch, Vũ Quý, Bình Thanh, Bình Định, Hồng Vũ, Bình Nguyên,	Kiến Xương, Tiền Hải

		Trà Giang.	
184	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên	Đối với 20 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Thái Thụy, Đông Thụy Anh, Bắc Thụy Anh, Thụy Anh, Nam Thụy Anh, Bắc Thái Ninh, Thái Ninh, Đông Thái Ninh, Nam Thái Ninh, Tây Thái Ninh, Tây Thụy Anh, Đông Hưng, Bắc Tiên Hưng, Đông Tiên Hưng, Nam Đông Hưng, Bắc Đông Quan, Bắc Đông Hưng, Đông Quan, Nam Tiên Hưng, Tiên Hưng.	Thái Thụy, Đông Hưng
185	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Quỳnh Phụ, Minh Thọ, Nguyễn Du, Quỳnh An, Ngọc Lâm, Đồng Bằng, A Sào, Phụ Dực, Tân Tiến, Hưng Hà, Tiên La, Lê Quý Đôn, Hồng Minh, Thần Khê, Diên Hà, Ngự Thiên, Long Hưng.	Hưng Hà, Quỳnh Phụ
18. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Khánh Hòa			
186	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Nha Trang, Bắc Nha Trang, Tây Nha Trang, Nam Nha Trang, Trường Sa.	Nha Trang, Trường Sa
187	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Bắc Cam Ranh, Cam Ranh, Cam Linh, Ba Ngòi, Nam Cam Ranh, Cam Lâm, Suối Dầu, Cam Hiệp, Cam An, Khánh Sơn, Tây Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn.	Khánh Sơn, Cam Lâm, Cam Ranh
188	Tòa án nhân dân	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp	Khánh Vĩnh, Diên

	khu vực 3 - Khánh Hòa	xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Diên Khánh, Diên Lạc, Diên Điền, Diên Lâm, Diên Thọ, Suối Hiệp, Bắc Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh, Nam Khánh Vĩnh, Khánh Vĩnh.	Khánh
189	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Bắc Ninh Hòa, Ninh Hòa, Tân Định, Đông Ninh Hòa, Hòa Thắng, Nam Ninh Hòa, Tây Ninh Hòa, Hòa Trí, Đại Lãnh, Tu Bông, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Vạn Hưng.	Ninh Hòa, Vạn Ninh
190	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Phan Rang, Đông Hải, Ninh Chữ , Bảo An, Đô Vinh .	Phan Rang - Tháp Chàm
191	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Ninh Hải, Xuân Hải, Vĩnh Hải, Thuận Bắc, Công Hải.	Ninh Hải, Thuận Bắc
192	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng, Mỹ Sơn, Bắc Ái Đông, Bắc Ái, Bắc Ái Tây.	Bác Ái, Ninh Sơn
193	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Ninh Phước, Phước Hữu, Phước Hậu, Thuận Nam, Cà Ná, Phước Hà, Phước Dinh.	Ninh Phước, Thuận Nam
19. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Lai Châu			
194	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu: Bản Bo, Bình Lư, Tả Lèng, Khun Há, Tân	Lai Châu, Tam Đường

	Châu	Phong, Đoàn Kết.	
195	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu: Mường Kim, Khoen On, Than Uyên, Mường Than, Pắc Ta, Nậm Sỏ, Tân Uyên, Mường Khoa.	Tân Uyên, Than Uyên
196	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu: Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Sìn Hồ, Lào, Đào San, Khổng Lào, Tủa Sín Chải, Sìn Hồ, Hồng Thu, Nậm Tăm, Pu Sam Cáp, Nậm Cuối, Nậm Mạ.	Sìn Hồ, Phong Thổ
197	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu: Lê Lợi, Nậm Hàng, Mường Mô, Hua Bum, Pa Tàn, Bum Nưa, Bum Tở, Mường Tè, Thu Lũm, Pa Ủ, Tà Tổng, Mù Cả.	Mường Tè, Nậm Nhùn
20. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Lạng Sơn			
198	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Đồng Đăng, Cao Lộc, Công Sơn, Ba Sơn, Tam Thanh, Lương Văn Tri, Hoàng Văn Thụ, Đông Kinh.	Cao Lộc, Lạng Sơn
199	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Thất Khê, Đoàn Kết, Tân Tiến, Tràng Định, Quốc Khánh, Kháng Chiến, Quốc Việt, Na Sầm, Văn Lãng, Hội Hoan, Thụy Hùng, Tân Thanh.	Tràng Định, Văn Lãng
200	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn	Đối với 20 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Bình Gia, Tân Văn, Hồng Phong, Hoa Thám, Quý Hòa, Thiện Hòa,	Bình Gia, Bắc Sơn, Văn Quan

		Thiện Thuật, Thiện Long, Bắc Sơn, Hưng Vũ, Vũ Lăng, Nhất Hòa, Vũ Lễ, Tân Tri, Văn Quan, Diêm He, Tri Lễ, Yên Phúc, Tân Đoàn, Khánh Khê.	
201	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Vân Nam, Thiện Tân, Yên Bình, Hữu Liên, Cai Kinh, Chi Lăng, Nhân Lý, Chiến Thắng, Quan Sơn, Bằng Mạc, Vạn Linh.	Hữu Lũng, Chi Lăng
202	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Lộc Bình, Mẫu Sơn, Na Dương, Lợi Bắc, Thống Nhất, Xuân Dương, Khuất Xá, Đình Lập, Châu Sơn, Kiên Mộc, Thái Bình.	Đình Lập, Lộc Bình
21. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Lào Cai			
203	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Văn Phú, Yên Bái, Nam Cường, Âu Lâu.	Yên Bái
204	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Lâm Thượng, Lục Yên, Tân Lĩnh, Khánh Hòa, Phúc Lợi, Mường Lai, Cẩm Nhân, Yên Thành, Thác Bà, Yên Bình, Bảo Ái.	Lục Yên, Yên Bình
205	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Phong Dụ Hạ, Châu Quế, Lâm Giang, Đông Công, Tân Hợp, Mậu A, Xuân Ái, Mỏ Vàng, Trấn Yên, Hưng Khánh, Lương Thịnh, Việt Hồng, Quy Mông, Phong Dụ Thượng.	Văn Yên, Trấn Yên

206	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Khao Mang, Mù Cang Chải, Púng Luông, Tú Lệ, Liên Sơn, Gia Hội, Sơn Lương, Văn Chấn, Thượng Bằng La, Chấn Thịnh, Nghĩa Tâm, Chế Tạo, Nậm Có, Lao Chải, Cát Thịnh.	Mù Cang Chải, Văn Chấn
207	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lào Cai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ, Nghĩa Lộ, Trung Tâm, Cầu Thia, Tà Xi Láng.	Nghĩa Lộ, Trạm Tấu
208	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Phong Hải, Xuân Quang, Bảo Thắng, Tằng Lỏong, Gia Phú, Cam Đường, Lào Cai, Cốc San, Hợp Thành.	Bảo Thắng, Lào Cai
209	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Mường Hum, Dền Sáng, Y Tý, A Mú Sung, Trịnh Tường, Bản Xèo, Bát Xát, Mường Bo, Bản Hồ, Sa Pa, Tả Phìn, Tả Van, Ngũ Chỉ Sơn.	Bát Xát, Sa Pa
210	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Bảo Yên, Nghĩa Đô, Thượng Hà, Xuân Hòa, Phúc Khánh, Bảo Hà, Võ Lao, Khánh Yên, Văn Bàn, Dương Quý, Chiềng Ken, Minh Lương, Nậm Chày, Nậm Xé.	Bảo Yên, Văn Bàn
211	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Cốc Lầu, Bảo Nhai, Bản Liền, Bắc Hà, Tả Củ Tỷ, Lùng Phình, Pha Long, Mường Khương, Bản Lầu, Cao	Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương

		Sơn, Sĩ Ma Cai, Sín Chéng.	
22. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Lâm Đồng			
212	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Xuân Hương - Đà Lạt, Cam Ly - Đà Lạt, Lâm Viên - Đà Lạt, Xuân Trường - Đà Lạt, Langbiang - Đà Lạt, Lạc Dương.	Lạc Dương, Đà Lạt
213	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Đơn Dương, Ka Đô, Quảng Lập, D'Ran, Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Tân Hội, Tà Hine, Tà Năng, Ninh Gia.	Đơn Dương, Đức Trọng
214	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Đình Văn Lâm Hà, Phú Sơn Lâm Hà, Nam Hà Lâm Hà, Nam Ban Lâm Hà, Tân Hà Lâm Hà, Phúc Thọ Lâm Hà, Đam Rông 1, Đam Rông 2, Đam Rông 3, Đam Rông 4.	Lâm Hà, Đam Rông
215	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: 1 Bảo Lộc, 2 Bảo Lộc, 3 Bảo Lộc, B' Lao, Di Linh, Hòa Ninh, Hòa Bắc, Đình Trang Thượng, Bảo Thuận, Sơn Điền, Gia Hiệp, Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 2, Bảo Lâm 3, Bảo Lâm 4, Bảo Lâm 5.	Bảo Lộc, Bảo Lâm, Di Linh
216	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Đạ Huoai, Đạ Huoai 2, Đạ Huoai 3, Đạ Tẻh, Đạ Tẻh 2, Đạ Tẻh 3, Cát Tiên, Cát Tiên 2, Cát Tiên 3.	Đạ Huoai

217	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Bắc Gia Nghĩa, Nam Gia Nghĩa, Đông Gia Nghĩa, Tà Đùng, Quảng Khê, Quảng Sơn, Quảng Hòa.	Gia Nghĩa, Đăk Glong
218	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Quảng Tân, Tuy Đức, Kiến Đức, Nhân Cơ, Quảng Tín, Quảng Trục.	Tuy Đức, Đăk RLấp
219	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Thuận An, Đức Lập, Đăk Mil, Đăk Săk, Đăk Song, Đức An, Thuận Hạnh, Trường Xuân.	Đăk Mil, Đăk Song
220	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Đăk Wil, Nam Dong, Cư Jút, Nam Đà, Krông Nô, Nâm Nung, Quảng Phú.	Cư Jút, Krông Nô
221	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Mũi Né, Phú Thủy, Phan Thiết, Tiến Thành, Phú Quý.	Phan Thiết, Phú Quý
222	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Tuyên Quang, Hàm Thạnh, Hàm Kiệm, Tân Thành, Hàm Thuận Nam, Tân Lập.	Hàm Thuận Nam
223	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Lâm Đồng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Hàm Thắng, Bình Thuận, Đông Giang, La Dạ, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận, Hồng Sơn, Hàm Liêm.	Hàm Thuận Bắc
224	Tòa án nhân dân	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp	Bắc Bình

	khu vực 13 - Lâm Đồng	xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Bắc Bình, Hồng Thái, Hải Ninh, Phan Sơn, Sông Lũy, Lương Sơn, Hòa Thắng.	
225	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Vĩnh Hảo, Liên Hương, Tuy Phong, Phan Rí Cửa.	Tuy Phong
226	Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: La Gi, Phước Hội, Tân Hải, Tân Minh, Hàm Tân, Sơn Mỹ.	La Gi, Hàm Tân
227	Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Bắc Ruộng, Nghị Đức, Đồng Kho, Tánh Linh, Suối Kiết.	Tánh Linh
228	Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Nam Thành, Đức Linh, Hoài Đức, Trà Tân.	Đức Linh
23. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Nghệ An			
229	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò.	Vinh
230	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Hưng Nguyên, Yên Trung, Hưng Nguyên Nam, Lam Thành, Nghi Lộc, Phúc Lộc, Đông Lộc, Trung Lộc, Thần Lĩnh, Hải Lộc, Văn Kiều.	Nghi Lộc, Hưng Nguyên
231	Tòa án nhân dân khu vực 3 -	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Diễn	Diễn Châu

	Nghệ An	Châu, Đức Châu, Quảng Châu, Hải Châu, Tân Châu, An Châu, Minh Châu, Hùng Châu.	
232	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Quỳnh Lưu, Quỳnh Văn, Quỳnh Anh, Quỳnh Tam, Quỳnh Phú, Quỳnh Sơn, Quỳnh Thắng.	Hoàng Mai, Quỳnh Lưu
233	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Nghệ An	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Vạn An, Nam Đàn, Đại Huệ, Thiên Nhẫn, Kim Liên, Cát Ngạn, Tam Đồng, Hạnh Lâm, Sơn Lâm, Hoa Quân, Kim Bảng, Bích Hào, Đại Đồng, Xuân Lâm.	Nam Đàn, Thanh Chương
234	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đông, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành.	Yên Thành
235	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Đô Lương, Bạch Ngọc, Văn Hiến, Bạch Hà, Thuần Trung, Lương Sơn, Tân Kỳ, Tân Phú, Tân An, Nghĩa Đồng, Giai Xuân, Nghĩa Hành, Tiên Đồng.	Tân Kỳ, Đô Lương
236	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Nghĩa Đàn, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Mai, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lộc, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu.	Nghĩa Đàn, Thái Hòa

237	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Nghệ An	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Anh Sơn, Yên Xuân, Nhân Hòa, Anh Sơn Đông, Vĩnh Tường, Thành Bình Thọ, Con Cuông, Môn Sơn, Mậu Thạch, Cam Phục, Châu Khê, Bình Chuẩn.	Anh Sơn, Con Cuông
238	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Quế Phong, Tiên Phong, Tri Lễ, Mường Quàng, Thông Thụ, Quỳnh Châu, Châu Tiến, Hùng Chân, Châu Bình, Quỳnh Hợp, Tam Hợp, Châu Lộc, Châu Hồng, Mường Ham, Mường Chộng, Minh Hợp.	Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp
239	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Tam Quang, Tam Thái, Tương Dương, Lượng Minh, Yên Na, Yên Hòa, Nga My, Hữu Khuông, Nhôn Mai.	Tương Dương
240	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Mường Xén, Hữu Kiệm, Nậm Cắn, Chiêu Lưu, Na Loi, Mường Típ, Na Ngoi, Mỹ Lý, Bắc Lý, Keng Đu, Huồi Tụ, Mường Lống.	Kỳ Sơn
24. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Ninh Bình			
241	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Tây Hoa Lư, Hoa Lư, Nam Hoa Lư	Hoa Lư
242	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Tam Điệp, Yên Sơn, Trung Sơn, Yên Thắng, Yên Mô, Yên Từ, Yên	Yên Mô, Tam Điệp

		Mạc, Đồng Thái	
243	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Gia Viễn, Đại Hoàng, Gia Hưng, Gia Phong, Gia Vân, Gia Trấn, Nho Quan, Gia Lâm, Gia Tường, Phú Sơn, Cúc Phương, Phú Long, Thanh Sơn, Quỳnh Lưu	Nho Quan, Gia Viễn
244	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Yên Khánh, Khánh Nhạc, Khánh Thiện, Khánh Hội, Khánh Trung, Đông Hoa Lư, Chát Bình, Kim Sơn, Quang Thiện, Phát Diệm, Lai Thành, Định Hóa, Bình Minh, Kim Đông	Kim Sơn, Yên Khánh
245	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Liêm Hà, Tân Thanh, Thanh Bình, Thanh Lâm, Thanh Liêm, Hà Nam, Phủ Lý, Phù Vân, Châu Sơn, Liêm Tuyền, Lê Hồ, Nguyễn Úy, Lý Thường Kiệt, Kim Thanh, Tam Chúc, Kim Bảng	Kim Bảng, Thanh Liêm, Phủ Lý
246	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Duy Tiên, Duy Tân, Đồng Văn, Duy Hà, Tiên Sơn, Nam Lý, Nhân Hà, Trần Thương, Vĩnh Trụ, Bắc Lý, Nam Xang, Lý Nhân, Bình Giang, Bình Sơn, Bình An, Bình Mỹ, Bình Lục	Bình Lục, Duy Tiên, Lý Nhân
247	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Nam Định, Thiên Trường, Đông A, Mỹ Lộc	Thành phố Nam Định

248	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Thành Nam, Trường Thi, Phong Doanh, Tân Minh, Vũ Dương, Vạn Thắng, Yên Cường, Yên Đồng, Ý Yên, Liên Minh, Vụ Bản, Hiền Khánh, Minh Tân	Vụ Bản, Ý Yên
249	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Vị Khê, Hồng Quang, Ninh Cường, Minh Thái, Quang Hưng, Trục Ninh, Cát Thành, Ninh Giang, Cổ Lễ, Nam Hồng, Nam Ninh, Nam Đồng, Nam Minh, Nam Trục	Trục Ninh, Nam Trục
250	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Xuân Trường, Xuân Hưng, Xuân Giang, Xuân Hồng, Giao Minh, Giao Hòa, Giao Thủy, Giao Phúc, Giao Hưng, Giao Bình, Giao Ninh	Giao Thủy, Xuân Trường
251	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Hải Hậu, Hải Anh, Hải Tiến, Hải Hưng, Hải An, Hải Quang, Hải Xuân, Hải Thịnh, Đồng Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Sơn, Hồng Phong, Quỹ Nhất, Nghĩa Lâm, Rạng Đông	Nghĩa Hưng, Hải Hậu
25. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Phú Thọ			
252	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Việt Trì, Nông Trang, Thanh Miếu, Vân Phú, Hy Cương	Thành phố Việt Trì
253	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Lâm Thao, Xuân Lũng, Phùng	Thị xã Phú Thọ, Lâm Thao

	Thọ	Nguyên, Bản Nguyên, Phong Châu, Phú Thọ, Âu Cơ	
254	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Phù Ninh, Dân Chủ, Phú Mỹ, Trạm Thán, Bình Phú, Thanh Ba, Quảng Yên, Hoàng Cương, Đông Thành, Chi Tiên, Liên Minh	Thanh Ba, Phù Ninh
255	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Tam Nông, Thọ Văn, Vạn Xuân, Hiền Quang, Thanh Thủy, Đào Xá, Tu Vũ	Thanh Thủy, Tam Nông
256	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Đoan Hùng, Tây Cốc, Chân Mộng, Chí Đám, Bằng Luân, Hạ Hòa, Đan Thượng, Yên Kỳ, Vĩnh Chân, Văn Lang, Hiền Lương	Hạ Hòa, Đoan Hùng
257	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Yên Lập, Thượng Long, Sơn Lương, Xuân Viên, Minh Hòa, Trung Sơn, Vân Bán, Tiên Lương, Đồng Lương, Hùng Việt, Phú Khê, Cẩm Khê	Yên Lập, Cẩm Khê
258	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Thanh Sơn, Võ Miếu, Văn Miếu, Cự Đồng, Hương Cản, Yên Sơn, Khả Cửu, Tân Sơn, Minh Đài, Lai Đồng, Thu Cúc, Xuân Đài, Long Cốc	Thanh Sơn, Tân Sơn
259	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Bình Xuyên, Xuân Lãng, Bình Xuyên, Xuân Lãng, Bình Nguyên, Bình Tuyên, Phúc Yên,	Bình Xuyên, Phúc Yên

		Xuân Hòa	
260	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Vĩnh Phúc, Vĩnh Yên, Tam Dương Bắc, Hoàng An, Hội Thịnh, Tam Dương, Đạo Trù, Đại Đình, Tam Đảo	Tam Đảo, Tam Dương, Vĩnh Yên
261	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Vĩnh Tường, Thổ Tang, Vĩnh Hưng, Vĩnh An, Vĩnh Phú, Vĩnh Thành, Yên Lạc, Tề Lỗ, Liên Châu, Tam Hồng, Nguyệt Đức	Vĩnh Tường, Yên Lạc
262	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Tam Sơn, Sông Lô, Hải Lưu, Yên Lãng, Lập Thạch, Tiên Lữ, Thái Hòa, Liên Hòa, Hợp Lý, Sơn Đông	Sông Lô, Lập Thạch
263	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Thống Nhất, Tân Hòa, Kỳ Sơn, Hòa Bình, Thịnh Minh, Thung Nai, Mùong Thàng, Cao Phong	Tp Hòa Bình, Cao Phong
264	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Kim Bôi, Mùong Động, Dũng Tiến, Hợp Kim, Nật Sơn, Lương Sơn, Cao Dương, Liên Sơn	Kim Bôi, Lương Sơn
265	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Phú Thọ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Đà Bắc, Cao Sơn, Đức Nhân, Quy Đức, Tân Pheo, Tiên Phong	Đà Bắc
266	Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Lạc Sơn, Mùong Vang, Đại Đồng, Ngọc Sơn, Nhân Nghĩa, Quyết Thắng,	Lạc Sơn, Tân Lạc

		Thượng Cốc, Yên Phú, Tân Lạc, Mường Bi, Mường Hoa, Toàn Thắng, Vân Sơn	
267	Tòa án nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Mai Châu, Bao La, Mai Hạ, Pà Cò, Tân Mai	Mai Châu
268	Tòa án nhân dân khu vực 17 - Phú Thọ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Lạc Thủy, An Bình, An Nghĩa, Yên Thủy, Lạc Lương, Yên Trị	Lạc Thủy, Yên Thủy
26. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Quảng Ngãi			
269	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Lý Sơn, Nghĩa Lộ, Cẩm Thành, An Phú, Trương Quang Trọng, Tịnh Khê	Huyện đảo Lý Sơn, TP Quảng Ngãi
270	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Bình Minh, Bình Chương, Bình Sơn, Vạn Tường, Đông Sơn, Trà Bồng, Đông Trà Bồng, Tây Trà, Thanh Bồng, Cà Đam, Tây Trà Bồng	Trà Bồng, Bình Sơn
271	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ngãi	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Sơn Tây Hạ, Sơn Tây Thượng, Sơn Tây, Sơn Kỳ, Sơn Thủy, Sơn Hà, Sơn Linh, Sơn Hạ, Thọ Phong, Sơn Tịnh, Ba Gia, Trường Giang	Sơn Tây, Sơn Hà, Sơn Tịnh
272	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Long Phụng, Mỏ Cày, Mộ Đức, Lân Phong, Trà Giang, Nghĩa Giang, Vệ Giang, Tư Nghĩa	Tư Nghĩa, Mộ Đức
273	Tòa án nhân dân	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp	Minh Long, Nghĩa

	khu vực 5 - Quảng Ngãi	xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Sơn Mai, Minh Long, Phước Giang, Thiện Tín, Đình Cương, Nghĩa Hành	Hành
274	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Ba Xa, Đặng Thùy Trâm, Ba Động, Ba Vinh, Ba Tơ, Ba Dinh, Ba Tô, Ba Vĩ, Sa Huỳnh, Khánh Cường, Đức Phổ, Nguyễn Nghiêm, Trà Câu	Ba Tơ, Đức Phổ
275	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Kon Tum, Đắk Cấm, Đắk Bla, Ngọc Bay, Ia Chim, Đắk Rơ Wa	Thành phố Kon Tum
276	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Ngãi	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Sa Thầy, Sa Bình, Ya Ly, Ia Toi, Rờ Koi, Mô Rai, Ia Đal	Ia H'Drai, Sa Thầy
277	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Đắk Pxi, Đắk Mar, Đắk Ui, Ngọc Réo, Đắk Hà, Ngọc Tụ, Đắk Tô, Kon Đào, Đắk Sao, Đắk Tờ Kan, Tu Mơ Rông, Măng Ri	Đắk Hà, Đắk Tô, Tu Mơ Rông
278	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Quảng Ngãi	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Đắk Kôi, Kon Braih, Đắk Rve, Măng Đen, Măng Bút, Kon Plông	Kon Rẫy, Kon Plông
279	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Quảng Ngãi	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Đắk Long, Đắk Môn, Đắk Pék, Đắk Plô, Ngọc Linh, Xốp, Dục Nông, Xa Loong, Bờ Y	Đắk Gle, Ngọc Hồi
27. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Quảng Ninh			

280	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Tuần Châu, Việt Hưng, Bãi Cháy, Hà Tu, Hà Lâm, Cao Xanh, Hồng Gai, Hạ Long, Hoàn Bồ, Quảng La, Thống Nhất	TP Hạ Long
281	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Yên Tử, Vàng Danh, Uông Bí, Đông Mai, Hiệp Hòa, Quảng Yên, Hà An, Phong Cốc, Liên Hòa	Uông Bí, Quảng Yên
282	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Cô Tô, đặc khu Vân Đồn, Mông Dương, Quang Hanh, Cẩm Phả, Cửa Ông, Hải Hòa	Cô Tô, Cẩm Phả, Vân Đồn
283	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Hoàn Mô, Lục Hồn, Bình Liêu, Đàm Hà, Quảng Tân, Ba Chẽ, Kỳ Thượng, Lương Minh, Hải Lạng, Đông Ngũ, Điện Xá, Tiên Yên	Ba Chẽ, Tiên Yên, Bình Liêu, Đàm Hà
284	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: An Sinh, Đông Triều, Bình Khê, Mạo Khê, Hoàng Quế	Tp Đông Triều
285	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Quảng Hà, Đường Hoa, Quảng Đức, Hải Sơn, Hải Ninh, Vĩnh Thực, Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3, Cái Chiên	Hải Hà, Móng Cái
28. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Quảng Trị			
286	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Nam Trạch, Bố Trạch, Hoàn Lão,	Bố Trạch, Thành phố Đồng Hới

		Đông Trạch, Bắc Trạch, Phong Nha, Thượng Trạch, Đồng Sơn, Đồng Thuận, Đồng Hới	
287	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Dân Hóa, Kim Điền, Kim Phú, Minh Hóa, Tân Thành, Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê, Tuyên Phú, Tuyên Bình, Tuyên Hóa, Tân Thành	Minh Hóa, Tuyên Hóa
288	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Trị	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Nam Gianh, Nam Ba Đồn, Ba Đồn, Bắc Gianh, Tân Gianh, Trung Thuần, Quảng Trạch, Hòa Trạch, Phú Trạch	Quảng Trạch, Ba Đồn
289	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Quảng Ninh, Ninh Châu, Trường Ninh, Trường Sơn, Lệ Thủy, Cam Hồng, Sen Ngư, Tân Mỹ, Trường Phú, Lê Ninh, Kim Ngân	Quảng Ninh, Lệ Thủy
290	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Cam Lộ, Hiếu Giang, Đông Hà, Nam Đông Hà	Cam Lộ, Đông Hà
291	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Nam Hải Lăng, Vĩnh Định, Hải Lăng, Mỹ Thủy, Diên Sanh, Nam Cửa Việt, Triệu Cơ, Triệu Bình, Ái Tử, Triệu Phong, Quảng Trị	Triệu Phong, Quảng Trị, Hải Lăng
292	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Trị	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Hướng Hiệp, Ba Lòng, Đakrông, Tà Rụt, La Lay, A Dơi, Lìa, Lao Bảo, Tân Lập, Khe Sanh, Hướng Phùng,	Hướng Hóa, ĐaKrông

		Hướng Lập	
293	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Cồn Cỏ, Bến Hải, Gio Linh, Cửa Việt, Cồn Tiên, Bến Quan, Vĩnh Thủy, Vĩnh Hoàng, Cửa Tùng, Vĩnh Linh	Vĩnh Linh, Gio Linh, Cồn Cỏ
29. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Sơn La			
294	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh, Mường La, Chiềng Lao, Mường Bú, Chiềng Hoa, Ngọc Chiến	Thành phố Sơn La, huyện Mường La
295	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Quỳnh Nhai, Mường Chiên, Mường Giôn, Mường Sại, Thuận Châu, Chiềng La, Nậm Lầu, Muối Nọi, Mường Khiêng, Co Mạ, Bình Thuận, Mường É, Long Hẹ, Mường Bám	Quỳnh Nhai, Thuận Châu
296	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Bó Sinh, Chiềng Khương, Mường Hung, Chiềng Koong, Mường Lầm, Nậm Ty, Sông Mã, Huổi Một, Chiềng Sơ, Sốp Cộp, Púng Bính, Mường Lạn, Mường Lèo	Sông Mã, Sốp Cộp
297	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Yên Châu, Chiềng Hặc, Lóng Phiêng, Yên Sơn, Phiêng Khoài, Chiềng Mai, Mai Sơn, Phiêng Păn, Chiềng Mung, Phiêng Cầm, Mường Chanh, Tà Hộc, Chiềng Sung	Mai Sơn, Yên Châu

298	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Bắc Yên, Tà Xùa, Tạ Khoa, Xím Vàng, Pắc Ngà, Chiềng Sại, Phù Yên, Gia Phù, Tường Hạ, Mường Còi, Mường Bang, Tân Phong, Kim Bon, Suối Tọ	Bắc Yên, Phù Yên
299	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên, Đoàn Kết, Lóng Sập, Chiềng Sơn, Tân Yên, Vân Hồ, Song Khủa, Tô Múa, Xuân Nha	Mộc Châu, Vân Hồ
30. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Tây Ninh			
300	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Thủ Thừa, Mỹ An, Mỹ Thành, Tân Long, Long An, Tân An, Khánh Hậu	Thủ Thừa, Tân An
301	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Hậu Thạnh, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh, Bình Thành, Thạnh Phước, Thạnh Hóa, Tân Tây, Mỹ Quý, Đông Thành, Đức Huệ	Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Đức Huệ
302	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: An Ninh, Hiệp Hòa, Hậu Nghĩa, Hòa Khánh, Đức Lập, Mỹ Hạnh, Đức Hòa	Đức Hòa
303	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Thạnh Lợi, Bình Đức, Lương Hòa, Bến Lức, Mỹ Yên	Bến Lức
304	Tòa án nhân dân	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp	Châu Thành, Tân Trụ

	khu vực 5 - Tây Ninh	xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Vàm Cỏ, Tân Trụ, Nhứt Tảo, Thuận Mỹ, An Lục Long, Tầm Vu, Vĩnh Công	
305	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Long Cang, Rạch Kiến, Mỹ Lệ, Tân Lân, Cần Đức, Long Hựu	Cần Đức
306	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Phước Lý, Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Lập	Cần Giuộc
307	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Kiến Tường, Bình Hòa, Mộc Hóa	Kiến Tường, Mộc Hóa
308	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Khánh Hưng, Vĩnh Hưng, Tuyên Bình, Vĩnh Châu, Tân Hưng, Vĩnh Thạnh, Hưng Điền	Tân Hưng, Vĩnh Hưng
309	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Hảo Đức, Châu Thành, Ninh Điền, Hòa Hội, Phước Vinh, Thanh Điền, Hòa Thành, Long Hoa, Bình Minh, Tân Ninh	Hòa Thành, Châu Thành, Tây Ninh
310	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Trà Vong, Thạnh Bình, Tân Biên, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Thành, Tân Hội, Tân Phú, Tân Châu, Tân Đông, Dương Minh Châu, Cầu Khởi, Lộc Ninh, Truong Mít, Ninh Thạnh	Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu
311	Tòa án nhân dân	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp	Gò Dầu, Bến Cầu,

	khu vực 12 - Tây Ninh	xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Trảng Bàng, An Tịnh, Gò Dầu, Gia Lộc, Hưng Thuận, Phước Chi, Thạnh Đức, Phước Thạnh, Long Chử, Long Thuận, Bến Cầu	Trảng Bàng
31. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Thái Nguyên			
312	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Tân Khánh, Kha Sơn, Diềm Thụy, Tân Thành, Phú Bình, Đại Phúc, Tân Cương, Quan Triều, Quyết Thắng, Gia Sàng, Tích Lương, Linh Sơn, Phan Đình Phùng	Thái Nguyên, Phú Bình
313	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Phổ Yên, Vạn Xuân, Trung Thành, Phúc Thuận, Thành Công, Sông Công, Bá Xuyên, Bách Quang	Sông Công, Phổ Yên
314	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Đại Từ, Đức Lương, Phú Thịnh, La Bằng, Phú Lạc, An Khánh, Quân Chu, Vạn Phú, Phú Xuyên	Đại Từ
315	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Phú Lương, Vô Tranh, Yên Trạch, Hợp Thành, Định Hóa, Bình Yên, Trung Hội, Phượng Tiến, Phú Đình, Bình Thành, Kim Phượng, Lam Vỹ	Định Hóa, Phú Lương
316	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Đồng Hỷ, Quang Sơn, Trại Cau, Nam Hòa, Văn Hán, Văn Lăng, Võ Nhai, Dân Tiến, Nghinh Tường, Thàn Sa, La Hiên, Tràng Xá,	Đồng Hỷ, Võ Nhai

		Sảng Mộc	
317	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Tân Kỳ, Thanh Mai, Thanh Tịnh, Chợ Mới, Bắc Kạn, Đức Xuân, Yên Bình	Bắc Kạn, Chợ Mới
318	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Phong Quang, Bạch Thông, Vĩnh Thông, Cẩm Giàng, Phủ Thông, Nghĩa Tá, Yên Phong, Chợ Đồn, Yên Thịnh, Quảng Bạch, Nam Cường	Chợ Đồn, Bạch Thông
319	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Hiệp Lực, Nà Phặc, Ngân Sơn, Bằng Vân, Văn Lang, Cường Lợi, Na Rì, Trần Phú, Côn Minh, Xuân Dương, Thượng Quan	Ngân Sơn, Na Rì
320	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Bằng Thanh, Nghiêng Loan, Cao Minh, Ba Bể, Chợ Rã, Phúc Lộc, Thượng Minh, Đồng Phúc	Pác Nặm, Ba Bể
32. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Thanh Hóa			
321	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Hạc Thành, Quảng Phú, Đông Quang, Đông Sơn, Đông Tiến, Hàm Rồng, Nguyệt Viên	Thanh Hóa
322	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Lưu Vệ, Quảng Yên, Quảng Ngọc, Quảng Ninh, Quảng Bình, Tiên Trang, Quảng Chính, Nông Cống, Thắng Lợi, Trung Chính, Trường	Quảng Xương, Nông Cống

		Văn, Thăng Bình, Tượng Lĩnh, Công Chính	
323	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Thiệu Hóa, Thiệu Quang, Thiệu Tiến, Thiệu Toán, Thiệu Trung, Triệu Sơn, Thọ Bình, Thọ Ngọc, Thọ Phú, Hợp Tiến, An Nông, Tân Ninh, Đồng Tiến	Thiệu Hóa, Triệu Sơn
324	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Sầm Sơn, Nam Sầm Sơn, Hoàng Hóa, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Lộc, Hoàng Châu, Hoàng Hoàng Sơn, Hoàng Phú, Hoàng Giang	Hoàng Hóa, Sầm Sơn
325	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Triệu Lộc, Đông Thành, Hậu Lộc, Hoa Lộc, Vạn Lộc, Nga Sơn, Nga Thăng, Hồ Vương, Tân Tiến, Nga An, Ba Đình	Nga Sơn, Hậu Lộc
326	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Lĩnh Toại, Hoạt Giang, Hà Long, Tống Sơn, Hà Trung, Quang Trung, Bím Sơn	Hà Trung, Bím Sơn
327	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Vĩnh Lộc, Tây Đô, Biện Thượng, Kim Tân, Vân Du, Ngọc Trạo, Thạch Bình, Thành Vinh, Thạch Quảng	Thạch Thành, Vĩnh Lộc
328	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Yên Định, Yên Trường, Yên Phú, Quý Lộc, Yên Ninh, Định Tân, Định Hòa, Thọ Xuân, Thọ Long, Xuân	Yên Định, Thọ Xuân

		Hòa, Sao Vàng, Lam Sơn, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập	
329	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Mậu Lâm, Như Thanh, Yên Thọ, Thanh Kỳ, Trường Lâm, Các Sơn, Nghi Sơn, Trúc Lâm, Hải Bình, Đào Duy Từ, Tĩnh Gia, Hải Lĩnh, Tân Dân, Ngọc Sơn, Xuân Thái	Như Thanh, Nghi Sơn
330	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa	Đối với 21 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Như Xuân, Thượng Ninh, Xuân Bình, Hóa Quỳ, Thanh Quên, Thanh Phong, Xuân Du, Xuân Chinh, Thắng Lộc, Tân Thành, Luận Thành, Thường Xuân, Kiên Thọ, Nguyệt Ấn, Minh Sơn, Ngọc Liên, Thạch Lập, Ngọc Lặc, Bát Mọt, Lương Sơn, Yên Nhân	Như Xuân, Thường Xuân, Ngọc Lặc
331	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Tam Lư, Quan Sơn, Trung Hạ, Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Tam Thanh, Sơn Thủy, Sơn Điện, Na Mèo, Mường Mìn	Quan Sơn, Lang Chánh
332	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Cẩm Tân, Cẩm Vân, Cẩm Tú, Cẩm Thủy, Cẩm Thạch, Quý Lương, Điền Quang, Điền Lương, Pù Luông, Cổ Lũng, Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho	Bá Thước, Cẩm Thủy
333	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Mường Lát, Hồi Xuân, Nam Xuân, Thiên	Mường Lát, Quan Hóa

		Phủ, Hiền Kiệt, Phú Lệ, Trung Thành, Trung Sơn, Phú Xuân, Trung Lý, Tam Chung, Quang Chiêu, Pù Nhi, Nhi Sơn, Mường Lý, Mường Chanh	
33. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Tuyên Quang			
334	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang	Đối với 24 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Hùng Lợi, Trung Sơn, Thái Bình, Tân Long, Xuân Vân, Lục Hành, Yên Sơn, Nhữ Khê, Kiến Thiết, Tân Trào, Minh Thanh, Sơn Dương, Bình Ca, Tân Thanh, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn, Đông Thọ, Mỹ Lâm, Minh Xuân, Nông Tiến, An Tường, Bình Thuận	Tuyên Quang, Yên Sơn, Sơn Dương
335	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang	Đối với 18 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Tân Mỹ, Yên Lập, Tân An, Chiêm Hóa, Hòa An, Kiên Đài, Tri Phú, Kim Bình, Yên Nguyên, Trung Hà, Yên Phú, Bạch Xa, Phù Lưu, Hàm Yên, Bình Xa, Thái Sơn, Thái Hòa, Hùng Đức	Hàm Yên, Chiêm Hóa
336	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Thượng Lâm, Lâm Bình, Minh Quang, Bình An, Côn Lôn, Yên Hoa, Thượng Nông, Hồng Thái, Nà Hang	Lâm Bình, Nà Hang
337	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Cao Bò, Thượng Sơn, Việt Lâm, Vị Xuyên, Bạch Ngọc, Linh Hồ, Phú Linh, Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Lao Chải, Hà	Vị Xuyên, Hà Giang

		Giang 2, Hà Giang 1, Ngọc Đường	
338	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Tiên Nguyên, Tân Trịnh, Quang Bình, Yên Thành, Bằng Lang, Xuân Giang, Tiên Yên, Đồng Yên, Vĩnh Tuy, Hùng An, Bắc Quang, Bằng Hành, Liên Hiệp, Đồng Tâm, Tân Quang	Bắc Quang, Quang Bình
339	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Khuôn Lùng, Quảng Nguyên, Trung Thịnh, Nám Dần, Pà Vầy Sủ, Xín Mần, Pờ Ly Ngài, Bản Máy, Thàng Tín, Hoàng Su Phì, Tân Tiến, Nậm Dịch, Hồ Thầu, Thông Nguyên	Hoàng Su Phì, Xín Mần
340	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Minh Ngọc, Minh Sơn, Giáp Trung, Bắc Mê, Đường Hồng, Yên Cường, Tùng Vài, Quản Bạ, Nghĩa Thuận, Cán Tỷ, Lùng Tám	Bắc Mê, Quản Bạ
341	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang	Đối với 18 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Đường Thượng, Du Già, Ngọc Long, Mậu Duệ, Yên Minh, Bạch Đích, Thắng Mố, Tát Ngà, Niêm Sơn, Khâu Vai, Mèo Vạc, Sơn Vĩ, Sủng Máng, Lũng Phìn, Phố Bàng, Sà Phìn, Đồng Văn, Lũng Cú	Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh
34. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Vĩnh Long			
342	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Tân Ngãi, Tân Thành, Phước Hậu,	Vĩnh Long, Long Hồ

	Long	Long Châu, Thanh Đức, Phú Quới, Long Hồ, An Bình	
343	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Cái Ngang, Song Phú, Ngãi Tứ, Tam Bình, Hòa Hiệp, Bình Phước, Nhơn Phú, Tân Long Hội, Cái Nhum	Tam Bình, Mang Thít
344	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Đông Thành, Cái Vồn, Bình Minh, Mỹ Thuận, Tân Lược, Tân Quới	Bình Tân, Bình Minh
345	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Quới Thiện, Trung Thành, Trung Ngãi, Quới An, Trung Hiệp, Hiếu Phụng, Hiếu Thành, Lục Sỹ Thành, Trà Ôn, Trà Cồn, Vĩnh Xuân, Hòa Bình	Trà Ôn, Vũng Liêm,
346	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Tân Phú, Tiên Thù, Giao Long, Phú Túc, Phú Tân, Sơn Đông, Bến Tre, Phú Khương, An Hội	Châu Thành, Bến Tre
347	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Nhuận Phú Tân, Tân Thành Bình, Phước Mỹ Trung, Hưng Khánh Trung, Vĩnh Thành, Chợ Lách, Phú Phụng	Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc
348	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Lương Hòa, Châu Hòa, Lương Phú, Phước Long, Tân Hào, Giồng Trôm, Hưng Nhượng	Giồng Trôm
349	Tòa án nhân dân	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp	Ba Tri, Bình Đại

	khu vực 8 - Vĩnh Long	xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Phú Thuận, Châu Hưng, Lộc Thuận, Thạnh Trị, Bình Đại, Thạnh Phước, Thới Thuận, An Hiệp, An Ngãi Trung, Mỹ Chánh Hòa, Tân Xuân, Ba Tri, Bảo Thạnh, Tân Thủy	
350	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Thạnh Phong, Thạnh Hải, An Qui, Thạnh Phú, Quới Điền, Đại Điền, Hương Mỹ, An Định, Thành Thới, Mỏ Cà, Đồng Khởi	Mỏ Cà Nam, Thạnh Phú
351	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Long Hòa, Hòa Minh, Hưng Mỹ, Châu Thành, Song Lộc, Hòa Thuận, Nguyệt Hóa, Trà Vinh, Long Đức	Trà Vinh, Châu Thành
352	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: An Trường, Tân An, Càng Long, Nhị Long, Bình Phú	Càng Long
353	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Tập Ngãi, Tiểu Cần, Hùng Hòa, Tân Hòa, Tam Ngãi, An Phú Tân, Phong Thạnh, Cầu Kè	Tiểu Cần, Cầu Kè
354	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Mỹ Long, Vĩnh Kim, Cầu Ngang, Nhị Trường, Hiệp Mỹ, Lưu Nghiệp Anh, Đại An, Hàm Giang, Trà Cú, Long Hiệp, Tập Sơn	Trà Cú, Cầu Ngang
355	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Ngũ Lạc, Đôn Châu, Long Vĩnh, Đông Hải, Long Thành, Long Hữu,	Huyện Duyên Hải, Thị xã Duyên Hải

		Trường Long Hòa, Duyên Hải	
--	--	----------------------------	--

PHỤ LỤC III

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

1. Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
2. Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
3. Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
4. Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội
5. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
6. Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
7. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
8. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
9. Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
10. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
11. Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
12. Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
13. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
14. Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
15. Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
16. Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
17. Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
18. Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
19. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
20. Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
21. Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
22. Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
23. Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
24. Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
25. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
26. Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
27. Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
28. Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
29. Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
30. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
31. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
32. Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang
33. Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang
34. Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang
35. Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang
36. Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang
37. Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang
38. Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang
39. Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang

40. Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
41. Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang
42. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
43. Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng
44. Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng
45. Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
46. Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
47. Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng
48. Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
49. Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng
50. Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng
51. Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
52. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
53. Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn
54. Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn
55. Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn
56. Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn
57. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn
58. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
59. Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn
60. Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
61. Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
62. Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang
63. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang
64. Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
65. Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
66. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
67. Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
68. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
69. Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai
70. Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai
71. Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
72. Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
73. Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai
74. Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai
75. Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
76. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
77. Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
78. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên
79. Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
80. Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên
81. Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
82. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
83. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

84. Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên
85. Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
86. Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
87. Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
88. Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu
89. Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu
90. Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu
91. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu
92. Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu
93. Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
94. Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
95. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La
96. Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La
97. Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La
98. Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La
99. Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
100. Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La
101. Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
102. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
103. Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La
104. Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La
105. Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La
106. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
107. Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái
108. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái
109. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
110. Tòa án nhân dân huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái
111. Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
112. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái
113. Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
114. Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
115. Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình
116. Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình
117. Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình
118. Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình
119. Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình
120. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình
121. Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình
122. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình
123. Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình
124. Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình
125. Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
126. Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
127. Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

128. Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
129. Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
130. Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
131. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
132. Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
133. Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
134. Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
135. Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
136. Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
137. Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
138. Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
139. Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
140. Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
141. Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
142. Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
143. Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
144. Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
145. Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
146. Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
147. Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
148. Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
149. Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh
150. Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh
151. Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh
152. Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh
153. Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh
154. Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
155. Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
156. Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
157. Tòa án nhân dân huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh
158. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
159. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang
160. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
161. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
162. Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
163. Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang
164. Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
165. Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
166. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
167. Tòa án nhân dân thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang
168. Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
169. Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
170. Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
171. Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ

172. Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
173. Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
174. Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ
175. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
176. Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
177. Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
178. Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
179. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
180. Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ
181. Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
182. Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
183. Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
184. Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
185. Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc
186. Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
187. Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
188. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
189. Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
190. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
191. Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
192. Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
193. Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
194. Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
195. Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
196. Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
197. Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
198. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
199. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
200. Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
201. Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
202. Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
203. Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
204. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
205. Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
206. Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
207. Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
208. Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
209. Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
210. Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
211. Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
212. Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
213. Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng
214. Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
215. Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

216. Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
217. Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
218. Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng
219. Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
220. Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
221. Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
222. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
223. Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng
224. Tòa án nhân dân huyện Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng
225. Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
226. Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
227. Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
228. Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
229. Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
230. Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
231. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
232. Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
233. Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
234. Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
235. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
236. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
237. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
238. Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
239. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
240. Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
241. Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
242. Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
243. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
244. Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
245. Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
246. Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
247. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
248. Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
249. Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
250. Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
251. Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
252. Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
253. Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
254. Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
255. Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
256. Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
257. Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
258. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
259. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

260. Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
261. Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
262. Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
263. Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
264. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
265. Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
266. Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
267. Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
268. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa
269. Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa
270. Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
271. Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa
272. Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa
273. Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
274. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa
275. Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
276. Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
277. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
278. Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
279. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
280. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
281. Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
282. Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
283. Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
284. Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
285. Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
286. Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
287. Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
288. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
289. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
290. Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
291. Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
292. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An
293. Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
294. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
295. Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An
296. Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
297. Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An
298. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
299. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
300. Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
301. Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
302. Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
303. Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

304. Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
305. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
306. Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
307. Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
308. Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
309. Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
310. Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
311. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
312. Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
313. Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
314. Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
315. Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh
316. Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
317. Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
318. Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
319. Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
320. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
321. Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
322. Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
323. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
324. Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình
325. Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
326. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
327. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
328. Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
329. Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
330. Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
331. Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
332. Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị
333. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
334. Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị
335. Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
336. Tòa án nhân dân huyện Đa Krông, tỉnh Quảng Trị
337. Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
338. Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
339. Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
340. Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố Huế
341. Tòa án nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế
342. Tòa án nhân dân thị xã Phong Điền, thành phố Huế
343. Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, thành phố Huế
344. Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, thành phố Huế
345. Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, thành phố Huế
346. Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, thành phố Huế
347. Tòa án nhân dân huyện A Lưới, thành phố Huế

348. Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế
349. Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
350. Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
351. Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
352. Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
353. Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
354. Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
355. Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
356. Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
357. Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam
358. Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam
359. Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam
360. Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam
361. Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
362. Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
363. Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam
364. Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
365. Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam
366. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam
367. Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
368. Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam
369. Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam
370. Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam
371. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
372. Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam
373. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
374. Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
375. Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi
376. Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
377. Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
378. Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi
379. Tòa án nhân dân huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi
380. Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi
381. Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
382. Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
383. Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
384. Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi
385. Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
386. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
387. Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định
388. Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
389. Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
390. Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
391. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

392. Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
393. Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
394. Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
395. Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
396. Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định
397. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
398. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
399. Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
400. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
401. Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
402. Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
403. Tòa án nhân dân huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên
404. Tòa án nhân dân huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên
405. Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
406. Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
407. Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
408. Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
409. Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa
410. Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
411. Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
412. Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
413. Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
414. Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
415. Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận
416. Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận
417. Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận
418. Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận
419. Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận
420. Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận
421. Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
422. Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận
423. Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận
424. Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
425. Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận
426. Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
427. Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận
428. Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
429. Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
430. Tòa án nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận
431. Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
432. Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum
433. Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum
434. Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum
435. Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

- 436. Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum
- 437. Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum
- 438. Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum
- 439. Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum
- 440. Tòa án nhân dân huyện Ia H' Drai, tỉnh Kon Tum
- 441. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- 442. Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai
- 443. Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
- 444. Tòa án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai
- 445. Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai
- 446. Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- 447. Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- 448. Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai
- 449. Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai
- 450. Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai
- 451. Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai
- 452. Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai
- 453. Tòa án nhân dân huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai
- 454. Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
- 455. Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
- 456. Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
- 457. Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai
- 458. Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk
- 459. Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk
- 460. Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lăk
- 461. Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk
- 462. Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk
- 463. Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk
- 464. Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk
- 465. Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk
- 466. Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk
- 467. Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk
- 468. Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk
- 469. Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk
- 470. Tòa án nhân dân huyện Krông A Na, tỉnh Đăk Lăk
- 471. Tòa án nhân dân huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk
- 472. Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đăk Lăk
- 473. Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông
- 474. Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông
- 475. Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông
- 476. Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông
- 477. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông
- 478. Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông
- 479. Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

480. Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông
481. Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
482. Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
483. Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
484. Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng
485. Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
486. Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
487. Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
488. Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
489. Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
490. Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
491. Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
492. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
493. Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước
494. Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
495. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
496. Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
497. Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
498. Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
499. Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
500. Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
501. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước
502. Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
503. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh
504. Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
505. Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
506. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
507. Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
508. Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
509. Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh
510. Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
511. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
512. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
513. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
514. Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương
515. Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
516. Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
517. Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
518. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
519. Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
520. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
521. Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
522. Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
523. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

- 524. Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
- 525. Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- 526. Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- 527. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
- 528. Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- 529. Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
- 530. Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- 531. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 532. Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 533. Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 534. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 535. Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 536. Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 537. Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 538. Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- 539. Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
- 540. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
- 541. Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- 542. Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
- 543. Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
- 544. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
- 545. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- 546. Tòa án nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- 547. Tòa án nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
- 548. Tòa án nhân dân Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
- 549. Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
- 550. Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- 551. Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
- 552. Tòa án nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
- 553. Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
- 554. Tòa án nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
- 555. Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
- 556. Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
- 557. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
- 558. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh
- 559. Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh
- 560. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An
- 561. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An
- 562. Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An
- 563. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An
- 564. Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An
- 565. Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An
- 566. Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An
- 567. Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An

- 568. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
- 569. Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An
- 570. Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An
- 571. Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An
- 572. Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An
- 573. Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
- 574. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An
- 575. Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- 576. Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang
- 577. Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
- 578. Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
- 579. Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
- 580. Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
- 581. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
- 582. Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
- 583. Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
- 584. Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
- 585. Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang
- 586. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- 587. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
- 588. Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
- 589. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
- 590. Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
- 591. Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
- 592. Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
- 593. Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
- 594. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
- 595. Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- 596. Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
- 597. Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
- 598. Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh
- 599. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- 600. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
- 601. Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh
- 602. Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- 603. Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- 604. Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- 605. Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
- 606. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
- 607. Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
- 608. Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
- 609. Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
- 610. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
- 611. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

612. Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
613. Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
614. Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
615. Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp
616. Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
617. Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
618. Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
619. Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
620. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
621. Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
622. Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
623. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
624. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
625. Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
626. Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang
627. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
628. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
629. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
630. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang
631. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
632. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
633. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
634. Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
635. Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
636. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang
637. Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
638. Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
639. Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
640. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
641. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
642. Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
643. Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang
644. Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
645. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang
646. Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
647. Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang
648. Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang
649. Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang
650. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
651. Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
652. Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
653. Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
654. Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
655. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ

- 656.Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
- 657.Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
- 658.Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
- 659.Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
- 660.Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang
- 661.Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
- 662.Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
- 663.Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
- 664.Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
- 665.Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
- 666.Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
- 667.Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- 668.Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
- 669.Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
- 670.Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
- 671.Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng
- 672.Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
- 673.Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- 674.Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
- 675.Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng
- 676.Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
- 677.Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- 678.Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- 679.Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
- 680.Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
- 681.Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu
- 682.Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu
- 683.Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu
- 684.Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu
- 685.Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- 686.Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- 687.Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
- 688.Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
- 689.Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
- 690.Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
- 691.Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
- 692.Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- 693.Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau